

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học Năm học 2018 - 2019

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	24	1,25
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	7422	8
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3544	3,8
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1161	1,25
2	Diện tích thư viện (m ²)	40	
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>	0	0
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>	48	
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>	48	
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	0	0
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	40	
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>	20	
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 1	5	
1.2	Khối lớp 2	4	
1.3	Khối lớp 3	5	
1.4	Khối lớp 4	5	
1.5	Khối lớp 5	5	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	5	
2.2	Khối lớp 2	4	
2.3	Khối lớp 3	5	
2.4	Khối lớp 4	5	
2.5	Khối lớp 5	5	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	117m ²
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	24		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Trưng Vương, ngày 31 tháng 8 năm 2018
Thủ trưởng đơn vị

Ngô Thị Huế

